

Số: 47/2018/QĐST-HNGĐ

Quận 7, ngày 18 tháng 01 năm 2018

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 172/2017/HNST ngày 13 tháng 04 năm 2017, giữa:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị H, sinh năm 1955

Địa chỉ: 88 đường V, ấp A, xã H, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Phan T, sinh năm 1956

Địa chỉ: 458/22 đường H, phường B, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bách bảo H, sinh năm 1985

- Bách Bảo N, sinh năm 1993

- Mai Thị Thu H, sinh năm 1991

- Võ Minh Đ, sinh năm 1991

- Mai Xuân H, sinh năm 1997

- Nguyễn Thị Châu T, sinh năm 1992

Cùng địa chỉ: 458/22 đường H, phường B, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ vào Điều 212, Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 55, Điều 59 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014, Luật phí và lệ phí;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 01 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 10 tháng 01 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy (07) ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:

Nguyên đơn: Bà Phan Thị H, sinh năm 1955

Địa chỉ: 88 đường V, ấp A, xã H, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Phan Thu, sinh năm 1956

Địa chỉ: 458/22 đường H, phường B, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bách Bảo H, sinh năm 1985
- Bách Bảo N, sinh năm 1993
- Mai Thị Thu H, sinh năm 1991
- Võ Minh Đ, sinh năm 1991
- Mai Xuân H, sinh năm 1997
- Nguyễn Thị Châu T, sinh năm 1992

Cùng địa chỉ: 458/22 đường H, phường B, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Phan Thị H và ông Phan T thuận tình ly hôn (giấy chứng nhận kết hôn số 25, quyền số 01/2005 do Ủy ban nhân dân xã H, huyện N, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15/3/2005).

- Về con chung: Các đương sự xác nhận không có.

- Nợ chung: Các đương sự xác nhận không có.

- Về tài sản chung:

* Bà Phan Thị H và ông Phan T xác nhận có 01 căn nhà tại địa chỉ số 458/22 đường H, phường B, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Cả hai cùng đứng tên chung theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số BC 614920 dp UBND Quận G cấp ngày 10/9/2010, sổ vào sổ cấp GCN: CH 04814. Ông Phan T và bà Phan Thị H cùng thống nhất trị giá căn nhà theo kết quả thẩm định giá của Công ty Cổ phần Đầu tư và Thẩm định giá T vào thời điểm thẩm định giá tháng 8/2017 là 1.741.155.000đ (một tỷ bảy trăm bốn mươi một triệu một trăm năm mươi lăm ngàn đồng).

* Bà Phan Thị H và ông Phan T cùng thỏa thuận:

Ông Phan T là người được sở hữu căn nhà tại địa chỉ số 458/22 đường H, phường B, Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh và ông Phan T hoàn trả lại cho bà Phan Thị H số tiền là 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng) trong thời hạn 02 (hai) năm hạn cuối ngày 10/01/2020 cụ thể như sau:

+ Ngày 01/02/2018 thanh toán 50.000.000đ (năm mươi triệu đồng);

+ Các tháng còn lại mỗi tháng thanh toán 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) vào ngày 01 hàng tháng.

Kể từ ngày bà Phan Thị H có đơn yêu cầu thi hành án nếu ông Phan T chưa thanh toán số tiền nói trên thì ông Phan T phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả theo quy định tại Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Sau khi ông Phan T thanh toán hết số tiền 600.000.000đ (sáu trăm triệu đồng) cho bà Phan Thị H, các bên có quyền liên hệ cơ quan chức năng để làm thủ tục xác nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất cho ông Phan Thu.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

* Bà Phan Thị H chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 14.000.000đ (mười bốn triệu đồng) nhưng được trừ vào số tiền án phí đã nộp là 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2012/07672 ngày 13/4/2017 và 26.850.000đ (hai mươi sáu triệu tám trăm năm mươi ngàn đồng) theo biên lai thu số AA/2012/07960 ngày 13/6/2017 của Chi cục thi hành án dân sự Quận G, Thành phố Hồ Chí Minh. Hoàn lại bà Phan Thị H số tiền án phí dân sự sơ thẩm là 13.150.000đ (mười ba triệu một trăm năm mươi ngàn đồng).

* Ông Phan T chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm là 23.117.325 (hai mươi ba triệu một trăm mười bảy ngàn ba trăm hai mươi lăm đồng).

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi bổ sung năm 2014.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- TAND TPHCM;
- VKSND Quận 7, TPHCM;
- Chi cục THA DS Quận 7, TPHCM;
- UBND xã H, huyện N;
- Các đương sự;
- Lưu VP, hồ sơ (...).

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Đinh Hữu Đức